

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 9 - 2021

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sáu và ông Nguyễn Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2021/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D (Sinh năm 1997).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp D, xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc S (Sinh năm 1993).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

(Chị Lê Thị D và anh Trần Quốc S đều vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 23/6/2021, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Quốc S vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, huyện K. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai người không hợp nhau. Hai người đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Nay do hai vợ chồng không thể sống chung được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh S chưa có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2021, bị đơn anh Trần Quốc S trình bày:

Anh công nhận anh và chị D đã đăng ký kết hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K. Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hay cãi nhau. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh chấp nhận.

. Anh và chị D chưa có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị Lê Thị D và anh Trần Quốc S vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án chị D và anh S đều đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lê Thị D và anh Trần Quốc S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị D đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S. Như vậy, tranh chấp giữa chị D và anh S là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Trần Quốc S là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả chị D và anh S đều thừa nhận giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh S chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị D. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung và tài sản chung: Chị D và anh S không có con chung, không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lê Thị D là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Trần Quốc S.
2. Về án phí: Chị Lê Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số 60AA/2021/0002885 ngày 15/6/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc San